CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÒA BÌNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Sáng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 01/08/2014
	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2014
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Đoàn Thanh Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/08/2014
Ông Nguyễn Văn Sinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/08/2014

Ban Kiểm soát

Ông Lý Bình Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/08/2014
Bà Phạm Thị Tuyết Minh	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 01/08/2014
Bà Vũ Vân Anh	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/08/2014

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Sáng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Đặng Minh Kết	Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/08/2014
	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Bà Trần Thị Hiền	Phó giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/08/2014

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Ngọc Dung.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN HÒA BÌNH TÂY NINH

Nguyễn Thị Sáng
Giám đốc
Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

UHY ACA Ltd

Số: 15 /2015/UHYACAHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh, được lập ngày 28/02/2015, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư đầu năm của khoản mục chi phí phải trả là giá trị tạm trích khấu hao các hạng mục của công trình nâng cấp nhà hàng, khách sạn đã đưa vào sử dụng với giá trị 716.109.890 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán tạm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình tương ứng là 16.436.935.498 đồng theo quy định.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt với ý kiến chấp nhận toàn phần.

M.S.C.N:0102021062-001-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH
QUẬN 3-T.P HỒ CHÍ MINH

Phan Thanh Điền	**Lương Ngô Bảo Trân**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số 1496-2014-112-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số 1828-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**6.672.461.571**	**20.614.428.667**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**1.988.779.955**	**1.129.986.231**
Tiền	111		1.988.779.955	1.129.986.231
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.237.010.182**	**18.072.456.809**
Phải thu khách hàng	131		291.481.042	645.891.640
Trả trước cho người bán	132		1.913.496.536	16.920.081.996
Các khoản phải thu khác	135	5	32.032.604	506.483.173
Hàng tồn kho	**140**	**6**	**500.493.701**	**151.297.705**
Hàng tồn kho	141		500.493.701	151.297.705
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.946.177.733**	**1.260.687.922**
Thuế GTGT được khấu trừ	152		170.221.109	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	175.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.775.956.624	1.085.687.922
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**34.213.356.781**	**16.373.066.864**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Tài sản cố định	**220**		**31.382.632.122**	**15.813.699.584**
Tài sản cố định hữu hình	221	8	31.103.174.196	11.155.343.927
- Nguyên giá	*222*		*43.419.949.710*	*20.949.910.889*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(12.316.775.514)*	*(9.794.566.962)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	279.457.926	4.658.355.657
Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**100.000.000**	**100.000.000**
Đầu tư dài hạn khác	258	10	100.000.000	100.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.730.724.659**	**459.367.280**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.730.724.659	459.367.280
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**40.885.818.352**	**36.987.495.531**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**9.157.616.401**	**20.161.840.246**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.172.414.756**	**7.877.638.601**
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.399.000.000
Phải trả người bán	312		289.438.013	1.241.102.216
Người mua trả tiền trước	313		170.488.500	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.255.336.853	1.653.753.090
Phải trả người lao động	315		151.807.113	178.955.318
Chi phí phải trả	316	13	32.597.608	998.469.325
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	272.268.243	2.385.880.226
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		478.426	20.478.426
Nợ dài hạn	**330**		**6.985.201.645**	**12.284.201.645**
Vay và nợ dài hạn	334	15	6.985.201.645	12.284.201.645
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**31.728.201.951**	**16.825.655.285**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**31.728.201.951**	**16.825.655.285**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.700.000.000	16.350.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.420.382.271	1.420.382.271
Quỹ dự phòng tài chính	418		438.417.649	438.417.649
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.830.597.969)	(1.383.144.635)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**40.885.818.352**	**36.987.495.531**

Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Dung	Trần Thị Ngọc Dung	Nguyễn Thị Sáng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**17**	**67.263.166.239**	**68.716.105.985**
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	17	2.037	2.327
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**17**	**67.263.164.202**	**68.716.103.658**
Giá vốn hàng bán	**11**	**18**	**58.028.185.014**	**58.602.111.781**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**9.234.979.188**	**10.113.991.877**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	100.628.479	12.431.699
Chi phí tài chính	22	20	1.213.782.895	936.409.946
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.213.782.895*	*936.409.946*
Chi phí bán hàng	24	21	7.088.918.147	6.877.494.536
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	2.161.642.199	3.614.117.477
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(1.128.735.574)**	**(1.301.598.383)**
Thu nhập khác	31	23	11.609.400	6.258.000
Chi phí khác	32	24	256.127.160	8.604.252
Lợi nhuận khác	**40**		**(244.517.760)**	**(2.346.252)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(1.373.253.334)**	**(1.303.944.635)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(1.373.253.334)**	**(1.303.944.635)**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**25**	**(580)**	**(798)**

Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Dung	Trần Thị Ngọc Dung	Nguyễn Thị Sáng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(1.373.253.334)	(1.303.944.635)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		2.522.208.552	971.176.393
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(100.628.479)	(12.431.699)
Chi phí lãi vay	06		1.213.782.895	936.409.946
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***2.262.109.634***	***591.210.005***
Tăng giảm các khoản phải thu	09		15.149.956.816	(3.393.818.490)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(349.195.996)	(35.172.778)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(8.746.293.211)	6.768.797.993
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.271.357.379)	674.819.902
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.257.203.075)	(1.480.186.903)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(174.205.292)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	62.347.953
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(74.200.000)	(940.784.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***4.713.816.789***	***2.073.008.076***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.918.266.544)	(9.407.554.433)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100.628.479	12.431.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(12.817.638.065)***	***(9.395.122.734)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		16.350.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.980.000.000	8.596.916.645
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.678.000.000)	(685.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(689.385.000)	(291.615.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***8.962.615.000***	***7.620.301.645***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**858.793.724**	**298.186.987**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**1.129.986.231**	**831.799.244**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**1.988.779.955**	**1.129.986.231**

Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Dung	Trần Thị Ngọc Dung	Nguyễn Thị Sáng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh nguyên là Công ty Cổ phần Khách sạn và Lữ hành Tây Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06 tháng 03 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 05 tháng 09 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 32.700.000.000 đồng được chia thành 3.270.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2014 là: 32.700.000.000 đồng, được chia thành 3.270.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại Số 436 Đường 30/4, Phường 3, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là kinh doanh mua bán đồ uống, cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, nhà hàng...) và các dịch vụ tăng cường sức khỏe khác.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phượng tiện vận tải truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí đồ dùng... Các khoản chi phí này sẽ được quyết toán vào thời điểm cuối năm.

3.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.
Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền mặt	58.659.970	132.917.455
Tiền gửi ngân hàng	1.930.119.985	997.068.776
Cộng	**1.988.779.955**	**1.129.986.231**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	-	466.726.200
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	6.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Sáng	-	25.000.000
Các khoản phải thu khác	26.032.604	8.756.973
Cộng	**32.032.604**	**506.483.173**

6. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.433.727	39.410.713
Công cụ, dụng cụ	174.834.181	48.030.000
Hàng hoá	286.225.793	63.856.992
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	**500.493.701**	**151.297.705**

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tạm ứng	1.775.956.624	10.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.075.687.922
Cộng	**1.775.956.624**	**1.085.687.922**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2014	**16.652.156.869**	**3.229.957.855**	**881.266.165**	**186.530.000**	**20.949.910.889**
- Mua trong năm	30.500.000	457.181.818	-	31.696.364	519.378.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	14.885.196.327	-	-	1.338.102.365	16.223.298.692
- Tạm tăng trong năm	5.727.361.947	-	-	-	5.727.361.947
Tại 31/12/2014	**37.295.215.143**	**3.687.139.673**	**881.266.165**	**1.556.328.729**	**43.419.949.710**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2014	**8.325.814.553**	**1.267.087.742**	**177.381.799**	**24.282.868**	**9.794.566.962**
- Khấu hao trong năm	1.897.787.060	282.215.993	45.393.432	296.812.067	2.522.208.552
Tại 31/12/2014	**10.223.601.613**	**1.549.303.735**	**222.775.231**	**321.094.935**	**12.316.775.514**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	**8.326.342.316**	**1.962.870.113**	**703.884.366**	**162.247.132**	**11.155.343.927**
Tại 31/12/2014	**27.071.613.530**	**2.137.835.938**	**658.490.934**	**1.235.233.794**	**31.103.174.196**

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.087.208.428 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Nâng cấp, cải tạo khối B2	27.545.455	-
Nâng cấp, cải tạo khối C2	27.545.455	-
Trung tâm nhà hàng tiệc cưới 1000 chỗ	-	3.480.558.993
Cải tạo khối C3, B3	-	624.700.054
Cải tạo Khách sạn Hòa Bình	224.367.016	224.367.016
Cải tạo bếp Nhà hàng	-	75.569.876
Sân bê tông, tường bao xung quanh, nhà VS	-	175.679.288
Xây dựng khu sân vườn	-	77.480.430
Cộng	**279.457.926**	**4.658.355.657**

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	100.000.000	100.000.000
Cộng	**100.000.000**	**100.000.000**

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.730.724.659	459.367.280
Cộng	**2.730.724.659**	**459.367.280**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Thuế GTGT	-	151.458.239
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	6.398.602	18.881.119
Thuế thu nhập cá nhân	5.341.070	7.495.073
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.243.597.181	1.475.918.659
Cộng	**1.255.336.853**	**1.653.753.090**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chi phí lãi vay	32.597.608	76.017.788
Chi phí dịch vụ	-	206.341.647
Tạm trích khấu hao các hạng mục, công trình nâng cấp nhà hàng, khách sạn đã hoàn thành nhưng chưa kết chuyển tài sản cố định	-	716.109.890
Cộng	**32.597.608**	**998.469.325**

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt nam	-	466.726.200
Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	13.350.000	1.575.997.922
Bà Nguyễn Thị Sáng	-	189.075.000
Bà Đỗ Thị Tú	-	60.676.883
Kinh phí công đoàn	7.161.366	462.156
Bảo hiểm xã hội	25.935.242	42.503.761
Bảo hiểm y tế	6.644.316	7.806.984
Bảo hiểm thất nghiệp	2.655.965	3.063.330
Tạm tăng tài sản cố định	190.766.364	-
Các khoản phải trả khác	25.754.990	39.567.990
Cộng	**272.268.243**	**2.385.880.226**

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Vay dài hạn	**6.985.201.645**	**12.284.201.645**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành	6.985.201.645	12.284.201.645
Cộng	**6.985.201.645**	**12.284.201.645**

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có các khoản vay tại ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành để nâng cấp cải tạo nhà hàng, khách sạn theo hợp đồng tín dụng số 2012/0001080/HĐTD ngày 16/08/2012 và Hợp đồng tín dụng bổ sung số 01/BSHĐTD ngày 10/11/2012 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng. Các khoản vay chịu mức lãi suất 13%/năm và được trả theo từng lần nhận nợ vào ngày 16 hàng tháng. Công ty sử dụng các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là Khách sạn Hòa Bình, nhà hàng 1.000 chỗ gắn liền với đất để thế chấp đảm bảo các khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 12023082 ngày 06/08/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Cty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	25,50	8.338.500.000	51,00	8.338.500.000
Cty CP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	5,64	1.843.000.000	5,64	921.500.000
Bà Nguyễn Thị Sáng	50,39	16.476.000.000	12,20	1.994.000.000
Ông Danh Kim Sơn	5,50	1.800.000.000	11,01	1.800.000.000
Các cổ đông khác	12,97	4.242.500.000	20,16	3.296.000.000
Cộng	**100**	**32.700.000.000**	**100**	**16.350.000.000**

16.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2014 Cổ phiếu	Tại 01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.270.000	1.635.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.270.000	1.635.000
+ Cổ phiếu thường	3.270.000	1.635.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.270.000	1.635.000
+ Cổ phiếu thường	3.270.000	1.635.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01//2013	**16.350.000.000**	**1.279.738.735**	**368.095.881**	**1.327.235.360**	**19.325.069.976**
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.303.944.635)	(1.303.944.635)
- Chi cổ tức trong năm trước	-	-	-	(981.000.000)	(981.000.000)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm trước	-	-	-	(95.200.000)	(95.200.000)
- Trích các quỹ năm trước	-	140.643.536	70.321.768	(330.235.360)	(119.270.056)
Tại 31/12/2013	**16.350.000.000**	**1.420.382.271**	**438.417.649**	**(1.383.144.635)**	**16.825.655.285**
Tại 01/01/2014	**16.350.000.000**	**1.420.382.271**	**438.417.649**	**(1.383.144.635)**	**16.825.655.285**
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	(1.373.253.334)	(1.373.253.334)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm nay	-	-	-	(74.200.000)	(74.200.000)
- Tăng vốn chủ sở hữu trong năm (*)	16.350.000.000	-	-	-	16.350.000.000
Tại 31/12/2014	**32.700.000.000**	**1.420.382.271**	**438.417.649**	**(2.830.597.969)**	**31.728.201.951**

(*) Trong năm 2014, Công ty đã phát hành thêm 1.635.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2014 số 03/NQ-ĐHCĐ ngày 20/6/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**67.263.166.239**	**68.716.105.985**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	51.026.935.884	52.097.583.386
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.236.230.355	16.618.522.599
Các khoản giảm trừ doanh thu	**2.037**	**2.327**
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**67.263.164.202**	**68.716.103.658**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hoá	50.667.349.608	53.156.433.741
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.360.835.406	5.445.678.040
Cộng	**58.028.185.014**	**58.602.111.781**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	94.628.479	6.431.699
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.000.000	6.000.000
Cộng	**100.628.479**	**12.431.699**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.213.782.895	936.409.946
Cộng	**1.213.782.895**	**936.409.946**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	3.880.407.556	2.844.960.838
Chi phí dụng cụ đồ dùng	364.625.650	1.014.795.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.814.032	165.364.475
Chi phí bằng tiền khác	2.685.070.909	2.852.374.122
Cộng	**7.088.918.147**	**6.877.494.536**

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	843.573.334	697.015.206
Thuế phí, lệ phí	708.502.378	2.413.715.234
Chi phí bằng tiền khác	609.566.487	503.387.037
Cộng	**2.161.642.199**	**3.614.117.477**

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý công cụ, dụng cụ	11.609.400	6.258.000
Cộng	**11.609.400**	**6.258.000**

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tiền phạt thuế, truy thu thuế, lãi nộp chậm	256.127.160	-
Chi phí khác	-	8.604.252
Cộng	**256.127.160**	**8.604.252**

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(1.373.253.334)	(1.303.944.635)
Số điều chỉnh tăng	-	-
Số điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.373.253.334)	(1.303.944.635)
Số cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	2.367.820	1.635.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(580)**	**(798)**

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2014	**Tại 01/01/2014**
	VND	**VND**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.988.779.955	1.129.986.231
Phải thu khách hàng	291.481.042	645.891.640
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.032.604	506.483.173
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.075.687.922
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
Cộng	**2.412.293.601**	**3.458.048.966**
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.399.000.000
Phải trả người bán	289.438.013	1.241.102.216
Chi phí phải trả	32.597.608	998.469.325
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	229.871.354	2.332.043.995
Vay và nợ dài hạn	6.985.201.645	12.284.201.645
Cộng	**7.537.108.620**	**18.254.817.181**

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán	289.438.013	-	289.438.013
Chi phí phải trả	32.597.608	-	32.597.608
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	229.871.354	-	229.871.354
Vay và nợ dài hạn	-	6.985.201.645	6.985.201.645
Cộng	**551.906.975**	**6.985.201.645**	**7.537.108.620**
Tại 01/01/2014			
Vay và nợ ngắn hạn	1.399.000.000	-	1.399.000.000
Phải trả người bán	1.241.102.216	-	1.241.102.216
Chi phí phải trả	998.469.325	-	998.469.325
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.332.043.995	-	2.332.043.995
Vay và nợ dài hạn	-	12.284.201.645	12.284.201.645
Cộng	**5.970.615.536**	**12.284.201.645**	**18.254.817.181**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.988.779.955	-	1.988.779.955
Phải thu khách hàng	291.481.042	-	291.481.042
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.032.604	-	32.032.604
Đầu tư dài hạn khác	-	100.000.000	100.000.000
Cộng	**2.312.293.601**	**100.000.000**	**2.412.293.601**
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.129.986.231	-	1.129.986.231
Phải thu khách hàng	645.891.640	-	645.891.640
Các khoản phải thu ngắn hạn	506.483.173	-	506.483.173
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.075.687.922	-	1.075.687.922
Đầu tư dài hạn khác	-	100.000.000	100.000.000
Cộng	**3.358.048.966**	**100.000.000**	**3.458.048.966**

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty. Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Tỉnh Tây Ninh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014	**Kinh doanh bia**	**Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**51.026.935.884**	**16.236.230.355**	**67.263.166.239**
Giảm trừ doanh thu	-	2.037	2.037
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**51.026.935.884**	**16.236.228.318**	**67.263.164.202**
Giá vốn bộ phận	50.667.349.608	7.360.835.406	58.028.185.014
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	**359.586.276**	**8.875.392.912**	**9.234.979.188**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận (*)	-	-	(9.250.560.346)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	***(15.581.158)***
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	100.628.479
Chi phí tài chính	-	-	(1.213.782.895)
Thu nhập khác	-	-	11.609.400
Chi phí khác	-	-	(256.127.160)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	***(1.373.253.334)***

(*): Bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP).

Năm 2013	Kinh doanh bia	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**52.097.583.386**	**16.618.522.599**	**68.716.105.985**
Giảm trừ doanh thu	-	2.327	2.327
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**52.097.583.386**	**16.618.520.272**	**68.716.103.658**
Giá vốn bộ phận	53.156.433.741	5.445.678.040	58.602.111.781
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	**(1.058.850.355)**	**11.172.842.232**	**10.113.991.877**
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận (*)	-	-	(10.491.612.013)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	***(377.620.136)***
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	12.431.699
Chi phí tài chính	-	-	(936.409.946)
Thu nhập khác	-	-	6.258.000
Chi phí khác	-	-	(8.604.252)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	***(1.303.944.635)***

(*): Bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty không theo dõi riêng biệt theo từng bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các Cổ đông, Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh, và các công ty con, Các công ty liên doanh, liên kết của Công ty này.

Giao dịch với các bên liên quan	**Năm 2014 VND**	**Năm 2013 VND**
Mua hàng từ các bên liên quan	**1.882.515.308**	**1.675.085.055**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	1.336.896.908	1.375.991.873
- Bà Nguyễn Thị Sáng	545.618.400	189.075.000
- Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	-	110.018.182
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	**50.273.309.141**	**50.524.265.820**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	50.273.309.141	50.524.265.820
Chi trả cổ tức	**189.075.000**	**55.290.000**
- Bà Nguyễn Thị Sáng	189.075.000	-
- Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	-	55.290.000
Thu tiền cổ tức	**6.000.000**	**6.000.000**
- Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	6.000.000	6.000.000
Góp vốn vào bên liên quan	**100.000.000**	**100.000.000**
- Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	100.000.000	100.000.000

Số dư với các bên liên quan	**Tại 31/12/2014 VND**	**Tại 01/01/2014 VND**
Các khoản phải thu	**-**	**306.309.825**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh		306.309.825
Các khoản phải thu khác	**6.000.000**	**497.726.200**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	-	466.726.200
- Bà Nguyễn Thị Sáng	-	25.000.000
- Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	6.000.000	6.000.000
Các khoản phải trả	**57.178.000**	**3.623.340.508**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	30.478.000	282.269.664
Các khoản phải trả khác	**13.350.000**	**1.575.997.922**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tây Ninh	13.350.000	1.575.997.922
- Bà Nguyễn Thị Sáng	-	189.075.000

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	**Năm 2014 VND**
Thù lao HĐQT, BKS	107.700.000
Lương và phụ cấp Ban Giám đốc	256.163.390
Cộng	**363.863.390**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

29.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất ở 2 vị trí mặt trước và mặt sau tại địa chỉ số 436, đường 30/4, phường 3, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh tương ứng với diện tích là 5.011,00 m2 và 10.635,20 m2 cho UBND tỉnh Tây Ninh để kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo Hợp đồng thuê đất số 0416/HĐ-TĐ ngày 28 tháng 06 năm 2012 với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2002, đơn giá thuê tương ứng là 201.600 đồng/m2/năm và 60.480 đồng/m2/năm được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Trong năm 2014, Công ty được miễn giảm 50% tiền thuê đất tương ứng với số tiền là 947.932.118 đồng và phải nộp số tiền là 705.502.378 đồng.

29.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

29.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Tây Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Dung	Trần Thị Ngọc Dung	Nguyễn Thị Sáng